

Số: 08 /2022/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Việc giám sát hệ thống thanh toán, giám sát an toàn hệ thống thông tin

của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

4. Việc giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Việc giám sát ngân hàng đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo các quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng bao gồm:

- a) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;
- b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô.

2. Đối tượng giám sát ngân hàng bao gồm:

- a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô;
- b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giám sát ngân hàng* bao gồm giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô.

2. *Giám sát an toàn vi mô* là hình thức giám sát an toàn đối với từng đối tượng giám sát vi mô.

3. *Giám sát an toàn vĩ mô* là hình thức giám sát an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. *Đối tượng giám sát ngân hàng* bao gồm:

a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô bao gồm:

(i) Tổ chức tín dụng, trụ ngân hàng chính sách thực hiện theo các quy định của pháp luật;

(ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Chi nhánh của tổ chức tín dụng. Đối với phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân thì giám sát thông qua quỹ tín dụng nhân dân. Đối với phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng khác thì giám sát chung thông qua chi nhánh quản lý phòng giao dịch đó;

(iv) Đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi